

Số: 962 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 26 tháng 3 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22 tháng 7 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 32/TTr-STP ngày 17 tháng 3 năm 2025 về việc đề nghị công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 318 ông, bà có tên trong danh sách kèm theo là báo cáo viên pháp luật tỉnh.

Điều 2. Báo cáo viên pháp luật tỉnh được hoạt động theo quy định pháp luật về báo cáo viên pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các quyết định sau:

Quyết định số 505/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.

Quyết định số 2122/QĐ-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công nhận bổ sung báo cáo viên pháp luật tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các ông, bà có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Cục PBGDPL và TGPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THNC.

 **CHỦ TỊCH**


Võ Tấn Đức

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DANH SÁCH

Công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 962 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)



STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
1	Võ Thị Xuân Đào		1976	Giám đốc	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
2	Phan Quang Tuấn	1977		Phó Giám đốc	Sở Tư pháp	Tiến sĩ Khoa học pháp lý	Công tác tư pháp
3	Lý Hậu Hồng Lê		1979	Phó Giám đốc	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
4	Lê Triết Như Vũ	1976		Phó Giám đốc	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
5	Hồ Quốc Lâm	1979		Trưởng phòng Hành chính và Bộ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác tư pháp
6	Đỗ Thị Anh Đào		1984	Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác tư pháp

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
7	Lê Xuân Quý	1985		Trưởng phòng Xây dựng và Phổ biến, giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật; Cử nhân Hành chính; Thạc sĩ Kinh tế	Công tác tư pháp
8	Tô Đình Tĩnh	1984		Chánh Thanh tra	Sở Tư pháp	Cử nhân Hành chính; Thạc sĩ Luật	Công tác thanh tra tư pháp
9	Nguyễn Tấn Khương	1970		Phó Chánh Thanh tra	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Công tác xử lý vi phạm hành chính, TĐTHPL
10	Từ Đình Khôi	1980		Phó Trưởng phòng Xây dựng và Phổ biến, giáo dục pháp luật	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
11	Nguyễn Thị Hồng Phước		1985	Phó Trưởng phòng Hành chính và Hỗ trợ tư pháp	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Công tác tư pháp
12	Nguyễn Thị Hải		1988	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật; Cử nhân Hành chính	Công tác tư pháp
13	Đông Thị Hoa		1988	Phó Chánh Thanh tra	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính	Công tác tư pháp

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
14	Lê Minh Tuấn	1974		Phó Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Luật	Dân sự - Hình sự - Hành chính
15	Bùi Thị Huân		1983	Phó Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Dân sự, hôn nhân và gia đình
16	Nguyễn Minh	1964		Chuyên viên - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự
17	Nguyễn Doãn Nhung	1970		Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Dân sự
18	Hoàng Minh Thu		1985	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Nghiệp vụ - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự, Dân sự, hôn nhân và gia đình

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
19	Nguyễn Ngọc Huyền		1985	Phó Trưởng Phòng Nghiệp vụ - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự, Dân sự, hôn nhân và gia đình
20	Phan Thị Thơm		1989	Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Cử nhân Luật	Hình sự, Dân sự, hôn nhân và gia đình
21	Nguyễn Chiến Thắng	1982		Chuyên viên - Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh	Sở Tư pháp	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Luật	Hôn nhân và gia đình
22	Trần Lệ Hằng		1982	Phó Trưởng phòng Giáo dục Nghề nghiệp	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai	Cử nhân Văn học, Cử nhân Luật, Cử nhân Chính trị	Giáo dục Nghề nghiệp
23	Thái Thị Hồng Vân		1990	Chuyên viên	Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai	Cử nhân Luật	Giáo dục, đào tạo
24	Phạm Quang Huy	1975		Phó Chánh Thanh tra	Sở Công Thương	Thạc sĩ Luật	Thanh tra, kiểm tra ngành công thương; xử lý vi phạm hành chính
25	Phan Tấn Lợi	1974		Chánh Thanh tra	Sở Công Thương	Kỹ sư Điện	Giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
26	Lục Văn Thủy	1974		Trưởng phòng Quản lý Công nghiệp	Sở Công Thương	Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế	Chính sách phát triển thương mại
27	Đặng Trần Nhật Thoại	1974		Phó Trưởng phòng Quản lý thương mại	Sở Công Thương	Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền	Chính sách phát triển thương mại
28	Tạ Thị Hương Huệ		1983	Chuyên viên	Sở Công Thương	Cử nhân Sinh học	Các quy định về công nghiệp, an toàn thực phẩm
29	Lâm Quang Liêm	1968		Chuyên viên Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp	Sở Công Thương	Kỹ sư Cơ khí	Các quy định về chính sách khuyến công
30	Phạm Toàn	1986		Chuyên viên	Sở Công Thương	Cử nhân Luật	Quy định về chính sách lĩnh vực công nghiệp và cải cách thủ tục hành chính
31	Trần Minh Đạt	1979		Trưởng Phòng Kỹ thuật và Quản lý năng lượng	Sở Công Thương	Cử nhân Điện	Điện

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
32	Nguyễn Thị Lan		1978	Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật và Quản lý năng lượng	Sở Công Thương	Thạc sĩ Hóa	Hóa chất
33	Nguyễn Văn Khang	1972		Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Tôn giáo	Tôn giáo
34	Thổ Út	1970		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Kinh tế nông lâm; Cử nhân Triết học	Quản lý nhà nước về công tác dân tộc
35	Nguyễn Đình Kiên	1978		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Tôn giáo; Cử nhân Luật	Tín ngưỡng, tôn giáo
36	Trần Đức Hòa	1982		Phó Giám đốc	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Quản lý văn hóa; Cử nhân Tôn giáo học	Quản lý nhà nước về công tác Dân tộc; Tín ngưỡng, Tôn giáo
37	Nguyễn Thị Hiền		1982	Trưởng phòng Nghiệp vụ 1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Ngũ văn Thạc sĩ Xây dựng Đảng và Chính quyền NN	Quản lý nhà nước về công tác dân tộc
38	Nguyễn Thị Dung		1981	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 1	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Lịch sử; cử nhân Luật	Quản lý nhà nước về công tác dân tộc

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
39	Lê Thị Hoài		1984	Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Thạc sĩ Tôn giáo; Cử nhân Lịch sử Đảng	Tín ngưỡng, tôn giáo
40	Hoàng Minh Liêm	1975		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Kỹ sư Xây dựng	Dân tộc
41	Nguyễn Thị Kim Ngân		1982	Chuyên viên phòng Nghiệp vụ 2	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Lịch sử, Chính trị	Tín ngưỡng, tôn giáo
42	Dương Công Túy	1969		Chuyên viên Phòng Nghiệp vụ 3	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Cử nhân Hành Chính học; Cử nhân Chính trị; Cử nhân Tài chính Kế toán	Tín ngưỡng, Tôn giáo
43	Huỳnh Minh Phước	1975		Trưởng phòng Tài chính, Hành chính sự nghiệp	Sở Tài chính	Kỹ sư xây dựng	Tài chính, hành chính sự nghiệp
44	Nguyễn Thiện Tri	1972		Phó phòng Đầu thầu, Thẩm định, Giám sát và Quyết toán đầu tư	Sở Tài chính	Kỹ sư xây dựng	Đầu tư và xây dựng cơ bản
45	Phạm Thị Lành		1974	Phó Chánh Văn phòng	Sở Tài chính	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	Tài chính, ngân sách nhà nước
46	Phạm Nhơn Phúc	1979		Trưởng phòng Ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Thạc sĩ kế toán	Quản lý tài sản công, giá công sản

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
47	Nguyễn Thanh Tùng	1968		Chánh Thanh tra Sở	Sở Tài chính	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân Kinh tế - Kế toán ngành sản xuất công nghiệp	Tài chính
48	Phan Huy Toàn	1980		Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh	Sở Tài chính	Thạc sĩ Kinh tế	Luật Doanh nghiệp
49	Võ Minh Trung	1984		Trưởng phòng Tổng hợp, Quy hoạch	Sở Tài chính	Thạc sĩ Kinh tế, Cử nhân khoa học máy tính	Đầu tư, Đầu tư công, doanh nghiệp
50	Hồ Lê Trung	1990		Phó Trưởng phòng Ngân sách nhà nước	Sở Tài chính	Thạc sĩ Quản lý hành chính công	Tài chính, Ngân sách nhà nước
51	Lê Văn Thích	1990		Phó Trưởng phòng Giá Công sản	Sở Tài chính	Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng	Quản lý tài sản công, Giá công sản
52	Nguyễn Viết Thắng	1973		Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng UBND tỉnh	Tiến sĩ QTKD Thạc sĩ Hành chính công	Công tác đối ngoại
53	Lư Thành Nam	1981		Trưởng phòng Hành chính - Tổ chức	Văn phòng UBND tỉnh	Cử nhân Lịch sử Việt Nam; Cử nhân Triết học; Cử nhân Luật	Quản lý Nhà nước về tổ chức, cán bộ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
54	Đinh Xuân Thùy	1975		Phó Ban tiếp công dân	Văn phòng UBND tỉnh	Thạc sĩ Luật	Xử lý vi phạm hành chính, khiếu nại tố cáo, khởi kiện dân sự, hành chính; pháp luật cán bộ, công chức, viên chức, viết tin bài, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật
55	Trần Văn Phú	1969		Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Dược sỹ CKII	Dược
56	Dương Hồng Danh	1968		Chánh Thanh tra	Sở Y tế	Bác sĩ chuyên khoa 2, Cử nhân Luật	Khám bệnh, chữa bệnh
57	Nguyễn Đình Việt	1982		Phó trưởng phòng An toàn vệ sinh thực phẩm	Sở Y tế	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm	An toàn thực phẩm
58	Nguyễn Mạnh Hùng	1985		Chuyên viên	Sở Y tế	Cử nhân Công tác xã hội Cử nhân Dược	Y tế - Dân số

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
59	Huỳnh Tú Anh	1968		Phó trưởng phòng Nghiệp vụ	Sở Y tế	Thạc sĩ điều dưỡng	Khám bệnh, chữa bệnh
60	Bùi Duy Vương	1980		Chuyên viên	Sở Y tế	Thạc sĩ, bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh
61	Nguyễn Tuấn Anh	1993		Chuyên viên	Sở Y tế	Bác sĩ chuyên khoa I	Khám bệnh, chữa bệnh
62	Đặng Mỹ Lệ		1984	Chuyên viên	Sở Y tế	Dược sĩ chuyên khoa I	Dược phẩm
63	Trần Ngọc Diệt	1969		Chuyên viên	Sở Y tế	Dược sĩ chuyên khoa I	Dược phẩm
64	Vũ Thị Hồng Điệp		1981	Chuyên viên	Sở Y tế	Cử nhân Giáo dục học	Dân số và phát triển
65	Hoàng Lê Khánh Hằng		1978	Chuyên viên	Sở Y tế	Cử nhân Xã hội học	Dân số và phát triển
66	Nguyễn Thị Mỹ Trinh		1983	Phó Trưởng phòng	Sở Y tế	Cử nhân xã hội học, Cử nhân anh văn	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
67	Nguyễn Văn Lương	1985		Chuyên viên	Sở Y tế	Thạc sĩ quản lý kinh tế, Cử nhân xã hội học	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán
68	Phan Thị Thanh Nhân		1989	Chuyên viên	Sở Y tế	Cử nhân hành chính	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán
69	Đỗ Văn Tuyên	1985		Chuyên viên	Sở Y tế	Cử nhân Xã hội học	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán
70	Nguyễn Đức Dũng	1982		Trưởng phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân Xã hội học; Cử nhân luật thạc sĩ công tác xã hội	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
71	Đặng Xuân Hòa	1970		Phó Trưởng phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân Ngữ văn; Cử nhân Luật	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán
72	Trương Thị Cẩm Giang		1968	Phó Trưởng phòng Chính sách xã hội	Sở Y tế	Cử nhân Kinh tế	Bảo trợ xã hội; Trẻ em; Phòng, chống tệ nạn mại dâm và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán
73	Hoàng Vĩnh Quang	1983		Giám đốc Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em	Sở Y tế	Cử nhân công tác xã hội; Thạc sĩ công tác xã hội	Chính sách xã hội
74	Trần Lâm Sinh	1970		Phó Giám đốc	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Trồng trọt, phân bón
75	Tổng Thị Hằng		1973	Chánh Văn phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Hệ thống thông tin Kinh tế, Thạc sĩ Quản lý công	Công tác văn phòng
76	Nguyễn Nho Nguyễn	1984		Chánh Thanh tra	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Luật	Đất đai, xử lý vi phạm hành chính

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
77	Lê Thanh Tuấn	1982		Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Luật	Đất đai
78	Vũ Quốc Việt	1972		Trưởng phòng Thủy lợi	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Thủy lợi	Thủy lợi
79	Trần Thị Tú Oanh		1982	Phó Trưởng phòng Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Nông học	Trồng trọt, bảo vệ thực vật
80	Lê Hữu An	1971		Phó Chánh Thanh tra	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Luật; Cử nhân kinh tế	Pháp luật nông nghiệp
81	Khúc Ngọc Thông	1970		Phó trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Quản trị kinh doanh, Thạc sĩ Công trình	Kế hoạch - Tài chính
82	Nguyễn Công Thành	1971		Trưởng trạm Chăn nuôi và Thủy sản thành phố Biên Hòa	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Luật, Kỹ sư Chăn nuôi và Thú y	Chăn nuôi và Thú y
83	Nguyễn Ngọc Phương	1983		Phó Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm huyện Vĩnh Cửu, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Lâm nghiệp	Lâm nghiệp
84	Nguyễn Thị Mai Liên		1974	Phó Giám đốc Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường	Môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
85	Ngô Thị Kiều Diễm		1980	Trưởng phòng Truyền thông cộng đồng, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ quản lý tài nguyên và Môi trường	Môi trường, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học
86	Phạm Văn Huynh	1981		Trưởng phòng Quan trắc môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Kỹ thuật Môi trường	Môi trường
87	Nguyễn Kiều Vân		1981	Phó Trưởng phòng Quan trắc Môi trường, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ quản lý tài nguyên và Môi trường	Môi trường
88	Võ Thị Huyền		1981	Phó trưởng phòng Truyền thông cộng đồng, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân sinh học	Môi trường, đa dạng sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
89	Nguyễn Văn Dũng	1979		Trưởng phòng Sử dụng và Phát triển rừng, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sỹ	Lâm nghiệp
90	Nguyễn Văn Dự	1986		Phó trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn và Pháp chế, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sỹ Lâm nghiệp	Lâm nghiệp
91	Trần Đức Cường	1979		Đội trưởng Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sỹ	Luật
92	Nguyễn Hồng Tâm	1986		Kiểm lâm viên, Phòng Quản lý bảo vệ rừng, Bảo tồn và Pháp chế, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Lâm nghiệp	Lâm nghiệp
93	Trương Quốc Đạt	1981		Kiểm lâm viên, Đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sỹ	Lâm nghiệp

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
94	Ninh Văn Tứ	1987		Kiểm lâm viên, phòng Quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và pháp chế, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sỹ	Lâm nghiệp
95	Nguyễn Trung Kiên	1982		Kiểm lâm viên, phòng Tổ chức Hành chính, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư	Lâm nghiệp
96	Nguyễn Thanh Bình	1989		Kiểm lâm viên, phòng quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn và pháp chế, Chi cục Kiểm lâm	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư Lâm nghiệp	Lâm nghiệp
97	Nguyễn Hậu Giang	1977		Chuyên viên Chi cục chăn nuôi và Thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Kinh tế Thủy sản	Thủy sản
98	Trần Sỹ Biên	1984		Chuyên viên phòng trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Công nghệ sinh học	Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản
99	Phan Thị Thanh Tâm		1980	Chuyên viên phòng phát triển Nông thôn	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kỹ sư nông học Thạc sĩ quản lý kinh tế	Phát triển nông thôn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
100	Ngô Hải Quốc	1975		Chuyên viên Chi cục Chăn nuôi và Thú y sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cử nhân Luật; Bác sĩ Thú y	Chăn nuôi và thú y
101	Đỗ Thanh Toàn	1980		Viên chức, Văn phòng đăng ký Đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thạc sĩ Luật	Đất đai
102	Nguyễn Thị Vĩnh An		1976	Trưởng phòng Quản lý hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Quản lý công	Quản lý Quy hoạch và Phát triển đô thị
103	Trần Anh Việt	1969		Trưởng phòng Phòng Quản quy hoạch kiến trúc	Sở Xây dựng	Kiến trúc sư	Quản lý hạ tầng kỹ thuật
104	Chu Việt Hùng	1970		Trưởng phòng Phòng Quản lý chất lượng xây dựng	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Luật; Kỹ sư xây dựng	Quản lý chất lượng xây dựng
105	Hồ Đức Hiền	1980		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý xây dựng	Sở Xây dựng	Kỹ sư xây dựng	Quản lý hoạt động và vật liệu xây dựng
106	Thái Doãn Hòa	1978		Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý nhà và Thị trường bất động sản	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Kỹ thuật	Quản lý nhà và thị trường bất động sản

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
107	Bùi Văn Tuấn	1974		Trưởng phòng Phòng Kế hoạch tài chính	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	Kế hoạch, Tài chính
108	Nguyễn Đức Dân	1975		Trưởng phòng Phòng Quản lý kết cấu và An toàn giao thông	Sở Xây dựng	Kỹ sư xây dựng cầu đường, Thạc sĩ QTKD	Quản lý kết cấu và An toàn giao thông
109	Lê Văn Đức	1979		Trưởng phòng Phòng quản lý vận tải và phương tiện người lái	Sở Xây dựng	Thạc sĩ Quản lý và tổ chức Vận tải	Vận tải và phương tiện người lái
110	Đào Quốc Tuấn	1977		Thanh tra viên	Sở Xây dựng	Cử nhân Luật	Tiếp công dân; khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng; thanh tra, kiểm tra, Quản lý trật tự xây dựng và xử lý vi phạm hành chính về xây dựng.
111	Nguyễn Thành Nam	1979		Phó Chánh Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật	Văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình
112	Nguyễn Bình An	1989		Phó Chánh Văn phòng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Luật	Văn hóa, thể thao, du lịch, gia đình

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
113	Trần Việt Sơn	1974		Trưởng Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sỹ Sử học	Lĩnh vực Văn hóa
114	Ngô Thị Hoàng Oanh		1979	Trưởng phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sỹ Ngôn ngữ Anh, Cử nhân Quản lý Văn hoá	Lĩnh vực Văn hóa
115	Nguyễn Trần Kiệt	1980		Phó Trưởng Phòng Quản lý Văn hóa và Gia đình	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sỹ Lịch sử, cử nhân chính trị	Lĩnh vực Văn hóa
116	Trần Quang Long	1978		Phó Chánh thanh tra	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Công tác xã hội, Cử nhân Chính trị	Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch
117	Bùi Thị Lê Lan		1981	Phó Trưởng phòng Quản lý Báo chí và Xuất bản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Cử nhân Báo chí	Lĩnh vực Văn hóa
118	Dương Kim Trường Chinh		1990	Chuyên viên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thạc sỹ Luật	Lĩnh vực Văn hóa
119	Lâm Sơn Hà	1984		Trưởng Phòng Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh; cử nhân Luật	- Khoa học và công nghệ
120	Trần Thị Hồng Nga		1978	Chánh Văn phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ công nghệ thông tin	Khoa học và công nghệ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
121	Nguyễn Thanh Hương		1980	Trưởng Phòng Khoa học	Sở Khoa học và Công nghệ	Cử nhân Luật	Khoa học và công nghệ
122	Nguyễn Văn Viện	1976		Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Cử nhân Tin học, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Khoa học và công nghệ
123	Giang Vũ Văn	1982		Phó Trưởng phòng Quản lý Chất lượng	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Khoa học và công nghệ
124	Nguyễn Công Khánh	1983		Phó Chánh Văn phòng Sở	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ Quản lý Khoa học công nghệ	Khoa học và công nghệ
125	Phan Đình Châu	1974		Thanh tra viên	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Sở hữu trí tuệ
126	Lê Thị Huế		1982	Chuyên viên	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ Luật	Khoa học và công nghệ
127	Đoàn Lâm Thanh Tâm		1986	Chuyên viên	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ QL khoa học và công nghệ	Khoa học và công nghệ
128	Nguyễn Thị Ngọc Mai		1989	Chuyên viên	Sở Khoa học và Công nghệ	Thạc sỹ công nghệ thực phẩm	Khoa học và công nghệ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
129	Nguyễn Quốc Vũ	1976		Phó Giám đốc	Sở Nội vụ	Thạc sĩ Luật; Cử nhân kinh tế; Cử nhân Chính trị	Tổ chức bộ máy, chính quyền; công chức, viên chức; cải cách hành chính
130	Thái Bình Dương	1982		Trưởng phòng Thi đua – Khen thưởng	Sở Nội vụ	Thạc sĩ Chính sách công; Cử nhân Luật	Thi đua, khen thưởng
131	Trương Quốc Phong	1978		Trưởng phòng Tổ chức, Biên chế	Sở Nội vụ	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh; Cử nhân kinh tế	Tổ chức bộ máy, chính quyền
132	Nguyễn Hồng Sơn	1982		Chánh Văn phòng	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật; Cử nhân Kinh tế; Cử nhân Chính trị	Cải cách hành chính, thanh tra ngành nội vụ
133	Nguyễn Bảo Khang	1986		Trưởng phòng Công chức, Viên chức	Sở Nội vụ	Thạc sĩ Tài chính – ngân hàng; Cử nhân hành chính	Công chức, viên chức
134	Võ Minh Thiện	1984		Phụ trách Bộ phận Kho Lưu trữ, Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh	Sở Nội vụ	Cử nhân Lưu trữ và Quản trị văn phòng	Văn thư, lưu trữ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
135	Lâm Thị Diệu		1988	Phó phòng Cải cách hành chính và Văn thư lưu trữ	Sở Nội vụ	Cử nhân Hành chính	Văn thư, lưu trữ
136	Nguyễn Văn Cảnh	1970		Trưởng phòng Chính sách lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật, Thạc sỹ Luật	Phòng, chống tham nhũng, khiếu nại, tố cáo
137	Trần Thị Lan Phi		1979	Trưởng phòng Người có công	Sở Nội vụ	Cử nhân Ngữ văn, cử nhân Luật	Chính sách lao động
138	Cao Duy Thái	1984		Chánh Thanh tra	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật	Thanh tra, chính sách lao động
139	Nguyễn Hồng Quang	1977		Phó Trưởng phòng Chính sách lao động	Sở Nội vụ	Cử nhân Luật; Kỹ sư điện	Việc làm, an toàn lao động
140	Nguyễn Thị Nga		1980	Phó Trưởng phòng Người có công	Sở Nội vụ	Cử nhân quản lý xã hội	Pháp luật về người có công
141	Trần Thị Thùy Trâm		1980	Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Kỹ sư Công nghệ May, Cử nhân Kế toán	Chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp
142	Nguyễn Thị Kim Thùy		1983	Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm	Sở Nội vụ	Kỹ sư Bảo hộ lao động	Chính sách, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, An toàn lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
143	Nguyễn Huỳnh Nhật Giang	1982		Trưởng ban Ban quản lý nghĩa trang	Sở Nội vụ	Cử nhân kế toán	Bảo trợ xã hội
144	Nguyễn Đức Can	1982		Trưởng Phòng Thanh tra	Thanh tra tỉnh	Thạc sĩ Quản lý công	Công tác thanh tra
145	Trần Thị Hồng Lam		1983	Trưởng Phòng Xử lý giải quyết đơn	Thanh tra tỉnh	Cử nhân Kế toán; Thạc sĩ Kinh tế	Pháp luật về khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân
146	Trần Quang Châu	1985		Phó trưởng Phòng Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	Thanh tra tỉnh	Thạc sĩ Quản lý công	Công tác phòng, chống tham nhũng
147	Lâm Thị Mỹ Hạnh		1984	Thanh tra viên Phòng xử lý, giải quyết đơn	Thanh tra tỉnh	Cử nhân Luật; Cử nhân Kế toán	Tiếp công dân và khiếu nại, tố cáo
148	Lại Thế Thông	1977		Phó Trưởng Ban	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế	Tài chính ngân sách; kinh tế công nông nghiệp; thương mại dịch vụ
149	Nguyễn Thanh Tùng	1969		Phó Trưởng Ban	Ban Nội chính Tỉnh ủy	Thạc sĩ Luật	Công tác nội chính

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
150	Lê Thanh Triều	1977		Trưởng phòng Tuyên truyền, Báo chí - Xuất bản	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Thạc sĩ Chính sách công	Tuyên truyền, báo chí, xuất bản
151	Đỗ Doãn Kim	1971		Phó Chánh Văn phòng	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Cử nhân kinh tế	Quản lý nhà nước về khu công nghiệp
152	Lê Thị Nguyệt		1979	Phó Trưởng phòng Quản lý lao động	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Thạc sĩ Luật	Lao động trong Khu công nghiệp
153	Trần Kinh Quốc	1984		Phó Trưởng phòng Quản lý đầu tư	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Cử nhân Luật	Đầu tư, quản lý doanh nghiệp trong Khu công nghiệp
154	Nguyễn Thành Trung	1981		Phó trưởng Phòng Quản lý Tài nguyên - Môi trường	Ban Quản lý các Khu công nghiệp	Thạc sĩ Môi trường; Cử nhân Luật	Môi trường, xây dựng trong Khu công nghiệp
155	Dương Minh Thiện	1981		Phó Trưởng phòng Phòng Tổ chức hành chính	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	Thạc sĩ QLKT Cử nhân QTKD	Quản lý nhà nước
156	Lưu Thị Hà		1972	Phó Chủ tịch	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Cử nhân Luật	Quy phạm pháp luật chung

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
157	Vũ Đình Trung	1978		Phó Chủ tịch	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Thạc sĩ Quản lý văn hóa; Cử nhân Luật; Cử nhân Báo chí	Nhiều lĩnh vực
158	Vũ Thị Mùi		1979	Ủy viên Thường trực, Trưởng Ban Dân chủ - Pháp luật	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Cử nhân Luật	Quy phạm pháp luật chung
159	Đặng Thị Xuân Thắm		1982	Ủy viên Thường trực, Trưởng Ban Tổ chức Tuyên giáo	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Cử nhân Tài chính kế toán	Pháp luật tài chính kế toán
160	Lê Thị Hòa Thuận		1979	UVTT/Trưởng ban, Ban Phong trào và Tôn giáo - Dân tộc	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Cử nhân Xã hội học	Công tác phong trào và tôn giáo, dân tộc
161	Phạm Thành Vinh	1986		Phó Trưởng ban, Ban Phong trào và Tôn giáo - Dân tộc	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	Cử nhân Lịch sử Đảng	Công tác phong trào và tôn giáo, dân tộc
162	Nguyễn Thị Như Ý		1973	Chủ tịch	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Luật	Lao động, công đoàn
163	Bùi Thị Bích Thủy		1980	Phó Chủ tịch Thường trực	Liên đoàn Lao động tỉnh	Thạc sĩ kinh tế	Lao động, công đoàn, Quy chế dân chủ

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
164	Bùi Thị Nhân		1983	Phó Chủ tịch	Liên đoàn Lao động tỉnh	Kỹ sư Bảo quản nông sản; Cử nhân Anh văn	Lao động, Công đoàn
165	Huỳnh Phước Sang	1978		Phó Chủ tịch	Liên đoàn Lao động tỉnh	Thạc sỹ quản lý công	Lao động, công đoàn,
166	Lê Hữu Hiền	1972		Chánh Văn phòng	Liên đoàn Lao động tỉnh	Kỹ sư Bảo hộ lao động Cử nhân Tư tưởng HCM	Lao động, công đoàn
167	Kiều Minh Sinh	1979		Trưởng Ban Chính sách pháp luật	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Luật; Cử nhân quản lý văn hóa tư tưởng	Lao động, công đoàn, bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh lao động
168	Nguyễn Thị Thúy		1969	Trưởng Ban Tài chính	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Tài chính	Tài chính công đoàn
169	Nguyễn Việt Hoài		1984	Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Triết học ThS Quản lý kinh tế	Khiếu nại, tố cáo, công đoàn
170	Nguyễn Tấn Khanh	1983		Trưởng ban Ban Tổ chức	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Quản trị văn phòng và lưu trữ; Cử nhân Tư tưởng HCM	Tổ chức, công đoàn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
171	Trịnh Đức Thắng	1972		Phó Ban phụ trách Ban Tuyên giáo	Liên đoàn Lao động tỉnh	Kỹ sư điện tử Cử nhân Tôn giáo	Lao động, công đoàn
172	Nguyễn Thành Trung	1984		Phó trưởng ban Ban Tổ chức	Liên đoàn Lao động tỉnh	CN sư phạm; Cử nhân quản lý văn hóa tư tưởng; Thạc sỹ quản lý công	Lao động, kinh tế, chính trị, công đoàn
173	Nguyễn Hoàng Trung	1983		Phó trưởng ban Ban Chính sách pháp luật	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Luật; Cử nhân Anh văn	Thỏa ước lao động tập thể, quy chế dân chủ
174	Phạm Thị Thủy		1982	Phó trưởng ban Ban Tài chính	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân tài chính – kế toán; ThS Quản trị kinh doanh	Tài chính công đoàn
175	Vũ Ngọc Hà	1977		Giám đốc Trung tâm Tư vấn Pháp luật Công đoàn	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Luật	Tất cả các lĩnh vực pháp luật
176	Nguyễn Thị Phước An		1982	Chuyên viên, Ban Tuyên giáo - Nữ công	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Lịch sử Đảng	Lao động, BHXH, ATGT, PC các loại tội phạm

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
177	Thái Thị Hồng Hạnh		1978	Chuyên viên, Ban Tuyên giáo - Nữ công	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Quản lý văn hóa tư tưởng; Cử nhân sư phạm	Công tác nữ công
178	Trần Thị Huệ		1983	Chuyên viên, Ban Tuyên giáo - Nữ công	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân ngữ văn; Thạc sỹ quản lý công; Cử nhân quản lý văn hóa tư tưởng	Lao động, công đoàn, tuyên giáo
179	Trần Thị Anh Thư		1985	Chuyên viên, Ban Tuyên giáo - Nữ công	Liên đoàn Lao động tỉnh	Kỹ sư Bảo hộ lao động	Công tác nữ công, bảo hộ lao động
180	Nguyễn Văn Cường	1977		Chuyên viên Văn phòng	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Luật, Cử nhân Sư phạm	Văn thư, lưu trữ
181	Dương Thị Thom		1995	Chuyên viên Trung tâm Tư vấn Pháp luật Công đoàn	Liên đoàn Lao động tỉnh	Cử nhân Luật	Pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội
182	Vũ Thị Hoa		1990	Chuyên viên Văn phòng Ủy ban kiểm tra	Liên đoàn Lao động tỉnh	ThS. Quản trị kinh doanh	Lao động, Luật công đoàn

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
183	Nguyễn Văn Lợi	1964		Trưởng ban Ban Tổ chức – Tuyên giáo	Hội Cựu chiến binh tỉnh	Cử nhân Xây dựng Đảng và Quản lý chính quyền	Công tác chính sách, pháp luật của Hội cựu chiến binh
184	Nguyễn Văn Tới	1969		Chuyên viên Ban Tổ chức - Tuyên giáo	Hội Cựu chiến binh tỉnh	Cử nhân chỉ huy tham mưu Lục quân	Công tác chính sách, pháp luật của Hội cựu chiến binh
185	Lê Thị Thái		1977	Chủ tịch	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Thạc sĩ Luật	Phụ nữ, bình đẳng giới
186	Nguyễn Hà Quế Phương		1984	Phó Ban Xây dựng tổ chức Hội	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	Thạc sĩ Luật	Phụ nữ, bình đẳng giới
187	Nguyễn Minh Kiên	1987		Bí thư	Tỉnh đoàn	Thạc sĩ Hành chính công	Thanh niên
188	Nguyễn Hiếu Trung	1990		Phó Bí thư	Tỉnh đoàn	Cử nhân Quản trị hành chính công	Thanh niên
189	Nguyễn Trần Phương Hà		1991	Phó Bí thư	Tỉnh đoàn	Cử nhân Luật Tài chính ngân hàng chứng khoán	Thanh niên

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
190	Phùng Thị Phương Thảo		1991	Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn	Kỹ sư Bảo quản chế biến nông sản; Cử nhân Chính trị; Thạc sỹ Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước	Thanh niên
191	Phan Thế Công	1992		Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng Ban Tổ chức – Kiểm tra Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn	Kỹ sư Công nghệ Môi trường	Thanh niên
192	Thị Hoàng Trung	1991		Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Thanh thiếu nhi Trường học Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn	Kỹ sư Quản lý và Công nghệ môi trường	Thanh niên
193	Lê Thị Trúc Mai		1993	Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Trưởng Ban phụ trách Ban Phong trào Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn	Thạc sỹ Luật	Thanh niên
194	Trịnh Phạm Phương Thanh		1998	Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Ban Tuyên giáo Tỉnh đoàn	Tỉnh đoàn	Cử nhân Sư phạm Tiếng Anh	Thanh niên

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
195	Hồ Thị Sự		1972	Phó Chủ tịch	Hội Nông dân tỉnh	Cử nhân Luật	Pháp luật về nông dân
196	Đoàn Minh Trí	1983		Phó Chủ tịch	Hội Nông dân tỉnh	Thạc sĩ thủy sản, kỹ sư nông lâm, cử nhân luật	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
197	Trần Thị Thu Hiền		1987	Trưởng ban Ban Kinh tế - xã hội	Hội Nông dân tỉnh	Kỹ sư ngành Phát triển nông thôn và khuyến nông	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
198	Phạm Thị Ngọc Minh		1983	Phó Chánh văn phòng	Hội Nông dân tỉnh	Thạc sĩ quản lý kinh tế	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
199	Nguyễn Thị Thu Dinh		1985	Phó Trưởng ban Ban Kinh tế - xã hội	Hội Nông dân tỉnh	Thạc sĩ quản lý Kinh tế; Cử nhân Giáo dục chính trị; Cử nhân Chính trị chuyên ngành kiểm tra	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
200	Nguyễn Thị Hiếu		1985	Phó Trưởng ban Ban xây dựng hội	Hội Nông dân tỉnh	Thạc sĩ quản lý Kinh tế; Cử nhân Giáo dục chính trị; Cử nhân Quản lý văn hóa - tư tưởng	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
201	Nguyễn Hữu Gia Văn	1985		Chuyên viên	Hội Nông dân tỉnh	Thạc sĩ quản lý Kinh tế; Cử nhân kinh tế; Cử nhân tài chính - tín dụng	Kinh tế-xã hội
202	Trần Xuân Quế	1985		Chuyên viên	Hội Nông dân tỉnh	Cử nhân Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng; Cử nhân chính trị chuyên ngành Tôn giáo	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
203	Nguyễn Thị Nga		1984	Chuyên viên	Hội Nông dân tỉnh	Cử nhân Luật	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân
204	Nguyễn Trung Tuấn	1990		Chuyên viên	Hội Nông dân tỉnh	Kỹ sư Cấp thoát nước và môi trường nước; Cử nhân Luật	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn và công tác Hội Nông dân

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
205	Bùi Văn Sỹ	1970		Đại tá, Phó Chính ủy	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Đại học chính trị	Quản lý nhà nước về công tác quân sự
206	Nguyễn Văn Hải	1968		Thượng tá - Chánh tranh tra (PXX05)	Công an tỉnh	Cử nhân xây dựng	Pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong CAND
207	Đặng Văn Thế	1984		Thiếu tá, Đội trưởng Phòng PC02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Lĩnh vực hình sự, phòng chống tội phạm hình sự
208	Lê Thanh Tài	1984		Thiếu tá, Cán bộ Phòng PC02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Lĩnh vực hình sự, phòng chống tội phạm hình sự
209	Lê Viết Thịnh	1985		Thiếu tá, Cán bộ Phòng PC02	Công an tỉnh	Thạc sỹ Kinh tế - Chính trị	Lĩnh vực hình sự, phòng chống tội phạm hình sự
210	Phạm Ngọc Quỳnh	1987		Đại úy, Cán bộ Phòng PC02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Lĩnh vực hình sự, phòng chống tội phạm hình sự
211	Vũ Văn Dũng	1973		Thượng tá, Trưởng phòng PK02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
212	Nguyễn Danh Hải	1975		Trung tá, Phó Đội trưởng Phòng PA06	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
213	Lê Huy Hùng	1984		Thiếu tá, Đội trưởng phòng PV01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
214	Ngô Thị Hồng Thuận		1980	Trung tá, Đội trưởng phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
215	Nguyễn Thành Trung	1979		Thượng tá, Phó trưởng Phòng PA03	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
216	Trần Thị Lan Anh		1979	Thượng tá, Phó Trưởng phòng PX01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
217	Trần Thanh Hùng	1974		Trung tá, Đội trưởng phòng PA08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
218	Hoàng Cao Thắng	1968		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PA03	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
219	Nguyễn Công Lợi	1978		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PC07	Công an tỉnh	Cử nhân Phòng cháy và chữa cháy	An ninh trật tự
220	Đoàn Thị Phẩm		1975	Thượng tá, Phó Trưởng phòng PC06	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
221	Hoàng Văn Hân	1973		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PK02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
222	Phạm Thế Hùng	1966		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PC01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
223	Phạm Ngọc Hà	1968		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PA04	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
224	Nguyễn Hải Dương	1980		Trung tá, Phó Trưởng phòng PA05	Công an tỉnh	Cử nhân Tin học	An ninh trật tự
225	Huỳnh Văn Tấn Đông	1984		Trung tá, Phó Trưởng PV01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
226	Lê Huy Hoàng	1981		Thiếu tá, Đội trưởng phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
227	Nguyễn Đình Long	1984		Trung tá, Phó Đội trưởng, Phòng PX01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
228	Nguyễn Thanh Quang	1985		Thiếu tá, Đội trưởng, Phòng PC01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
229	Nguyễn Gia Định	1979		Thượng tá, Phó trưởng Phòng PC02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
230	Nguyễn Đình Doanh	1982		Trung tá, Đội trưởng phòng PA09	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
231	Đào Văn Mạnh	1987		Đại úy, Phó Đội trưởng phòng PC04	Công an tỉnh	Cử nhân Công nghệ sinh học	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
232	Trần Thanh Duy	1990		Đại úy, Cán bộ phòng PV01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	Hình sự, tố tụng hình sự,
233	Đình Trung Kiên	1980		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PA02	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	Bảo vệ An ninh quốc gia
234	Nông Thanh Tuấn	1975		Thượng tá, Trưởng Phòng PC10	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
235	Phạm Mạnh Hùng	1987		Thiếu tá, Đội trưởng Phòng PA04	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
236	Lê Đình Tuấn	1987		Thiếu tá, Cán bộ phòng PA03	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
237	Hoàng Kim Sự	1983		Trung tá, Phó Đội trưởng phòng PA03	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
238	Nguyễn Hữu Đạo	1988		Đại úy, Cán bộ phòng PA03	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Quản lý xuất nhập cảnh
239	Nguyễn Hữu Hiếu	1994		Thượng úy, Cán bộ phòng PA08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Quản lý xuất nhập cảnh
240	Nguyễn Thanh Quang	1985		Thiếu tá, Đội trưởng phòng PC02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Hình sự; phòng chống tội phạm hình sự
241	Nguyễn Thanh Hà	1978		Trung tá, Đội trưởng, phòng PC03	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
242	Đỗ Khắc Hồng	1974		Thượng tá, Trưởng Phòng PC11	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	Thi hành án hình sự; quản lý tạm giữ, tạm giam
243	Ngô Thanh Tâm	1986		Đại úy, Phó Đội trưởng, Phòng PC06	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
244	Phạm Ngọc Thành	1988		Thiếu tá, Phó Đội trưởng Phòng PC06	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
245	Trần Văn Hùng	1969		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PC04	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
246	Phạm Ngọc Dũng	1974		Trung tá, Đội trưởng phòng PC03	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
247	Trần Xuân Sơn	1983		Trung tá, Phó Đội trưởng phòng PC09	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	Kỹ thuật hình sự, Giám định tư pháp
248	Nguyễn Xuân Thanh	1973		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PA05	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
249	Trương Văn Thùy	1975		Thượng tá, Phó trưởng Phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh quốc gia
250	Hồ Sỹ Giáp	1984		Trung tá, Cán bộ phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
251	Dương Đình Thông	1980		Trung tá, Cán bộ phòng PC08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
252	Huỳnh Minh Nhựt	1981		Thiếu tá, Cán bộ phòng PA05	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
253	Lê Văn Chiến	1986		Thiếu tá, Cán bộ phòng PC02	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
254	Dương Thanh Hải	1968		Đại tá, Phó Trưởng phòng PX03	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
255	Nguyễn Danh Hương	1970		Thượng tá, Trưởng Phòng PC07	Công an tỉnh	Cử nhân Phòng cháy chữa cháy	An ninh trật tự
256	Trần Minh Tân	1980		Thượng tá, Phó Trưởng phòng PA01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
257	Nguyễn Thế Thuận	1982		Trung tá, Phó Trưởng phòng PC10	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
258	Lê Hữu Lương	1978		Trung tá, Giám đốc Trung tâm cai nghiện ma túy, Phòng PC04	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
259	Đỗ Thanh Xâm		1972	Trung tá, Phó Đội trưởng, Phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân khoa học lịch sử	An ninh trật tự
260	Trần Ngọc Tú	1983		Trung tá, Ủy viên UBKT PX06	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
261	Trần Thị Tuyết		1983	Trung tá, Đội trưởng, Phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
262	Vũ Công Dũng	1985		Thiếu tá, Phó Đội trưởng, Phòng PA02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
263	Nguyễn Văn Mạnh	1983		Thiếu tá, Cán bộ Phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
264	Chu Văn Trung	1989		Thiếu tá, Phó Đội trưởng, Phòng PA02	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
265	Nguyễn Chí Công	1984		Thiếu tá, Cán bộ Phòng PV01	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
266	Nguyễn Đình Thông	1985		Thiếu tá, Cán bộ Phòng PC02	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
267	Nguyễn Văn Doanh	1986		Trung tá, Phó Đội trưởng, Phòng PC03	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
268	Bùi Thị Kim Dung		1986	Thiếu tá, Cán bộ Phòng PC11	Công an tỉnh	Thạc sĩ Luật	An ninh trật tự
269	Phạm Việt Hùng	1986		Thiếu tá, Cán bộ Phòng PV01	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
270	Đinh Thị Hồng Thúy		1990	Đại úy, Cán bộ Phòng PC04	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
271	Phạm Thế Hào	1999		Trung úy, Cán bộ Phòng PC07	Công an tỉnh	Cử nhân Phòng cháy chữa cháy	An ninh trật tự
272	Đỗ Minh Doan		1977	Trung tá, Đội trưởng, Phòng PC08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
273	Hoàng Văn Hải	1977		Trung tá, Cán bộ Phòng PC08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
274	Trương Công Hải	1988		Thiếu tá, Phó Đội trưởng, Phòng PC08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
275	Trần Thị Vân		1984	Thiếu tá, Cán bộ Phòng PC08	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
276	Phan Văn Sỹ	1983		Trung tá, Đội trưởng Phòng PC06	Công an tỉnh	Cử nhân Luật	An ninh trật tự
277	Đinh Thị Kiều Lương		1972	Phó Chánh tòa hình sự	Tòa án nhân dân tỉnh	Thạc sĩ Luật	Hình sự và Tổ tụng Hình sự
278	Doãn Cao Sơn	1975		Trưởng phòng 2	VKSND tỉnh Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Hình sự và Tổ tụng Hình sự
279	Nguyễn Như Quang Nhật	1974		Phó Trưởng phòng 2	VKSND tỉnh Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Hình sự và Tổ tụng Hình sự
280	Lê Văn Cao	1979		Kiểm sát viên trung cấp	VKSND tỉnh Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Hình sự và Tổ tụng Hình sự

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBCDPL
		Nam	Nữ				
281	Lê Quang Y	1970		Chủ nhiệm	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ Luật	Dân sự, hình sự, hành chính, hôn nhân, gia đình
282	Hà Mạnh Tường	1968		Phó Chủ nhiệm	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
283	Trần Cao Đại Kỳ Quân	1976		Phó Chủ nhiệm	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
284	Nguyễn Đình Hải	1964		Ủy viên BCN	Đoàn Luật sư	Cử nhân luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
285	Mai Long Định	1978		Ủy viên BCN	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
286	Huỳnh Hữu Nam	1975		Ủy viên BCN	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
287	Nguyễn Đức	1948		Luật sư	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
288	Hoàng Liên Sơn	1965		Luật sư	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
289	Trần Văn Giáp	1985		Luật sư	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
290	Nguyễn Như Tuấn	1986		Luật sư	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
291	Đào Nguyễn Hương Duyên		1975	Luật sư	Đoàn Luật sư	Tiến sĩ luật	Hình sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
292	Trần Thị Lan		1986	Lưu sư	Đoàn Luật sư	Thạc sĩ luật	Hành sự, dân sự, hành chính, hôn nhân gia đình, KDTM, lao động
293	Phan Văn Châu	1961		Chủ tịch	Hội Luật gia tỉnh	Thạc sĩ Luật	Hành sự, dân sự
294	Dương Văn Tín	1961		Phó Chủ tịch	Hội Luật gia tỉnh	Cử nhân Luật	Các chính sách, pháp luật
295	Vòng Khiêng	1955		Giám đốc Trung tâm Tư vấn pháp luật	Hội Luật gia tỉnh	Cử nhân Luật	Tư vấn viên Trung tâm Tư vấn pháp luật
296	Ngô Văn Định	1963		Phó Giám đốc Trung tâm Tư vấn pháp luật	Hội Luật gia tỉnh	Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực
297	Chu Văn Hiến	1982		Phó trưởng Ban Tuyên truyền, phổ biến và xây dựng pháp luật	Hội Luật gia tỉnh	Cử nhân Luật	Các chính sách, pháp luật
298	Phạm Thị Phương		1989	Phó Chánh Văn phòng	Hội Luật gia tỉnh	Cử nhân Luật	Các chính sách, pháp luật
299	Phạm Đình Đức	1956		Tư vấn viên Trung tâm Tư vấn pháp luật	Hội Luật gia tỉnh	Cử nhân Luật	Nhiều lĩnh vực

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
300	Nguyễn Thành Lượng	1961		Hội viên	Hội Luật gia tỉnh	Thạc sĩ Luật	Các chính sách, pháp luật
301	Trần Quảng Ninh	1980		Trưởng phòng Quản lý, hỗ trợ doanh nghiệp số 3	Chi Cục Thuế khu vực XV	Thạc sĩ Kinh tế	Thuế
302	Võ Anh Đức	1972		Chuyên viên	Chi Cục Hải quan khu vực XVIII	Cử nhân Luật	Hải quan
303	Nguyễn Thị Quy		1971	Phó Giám đốc	Bảo hiểm xã hội khu vực V	Bác sĩ chuyên khoa I	Bảo hiểm xã hội
304	Ngô Tiến Dũng	1976		Phó Chánh Văn phòng	Bảo hiểm xã hội khu vực V	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bảo hiểm xã hội
305	Hồ Thị Tú		1979	Phó Trưởng phòng Truyền thông	Bảo hiểm xã hội khu vực V	Cử nhân Kế toán	Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp
306	Cao Quốc Sang	1968		Phó Giám đốc	Đài Phát thanh – và Truyền hình Đồng Nai	Cử nhân Báo chí	Báo chí
307	Đinh Kim Tuấn	1975		Phó Tổng Biên tập	Báo Đồng Nai	Thạc sĩ Báo chí	Báo chí

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
308	Đặng Thị Ngọc Thu		1981	Phụ trách Ban Pháp luật Đời sống – Bạn đọc	Bảo Đồng Nai	Cử nhân Báo chí	Báo chí
309	Đoàn Văn Phú	1974		Phóng viên	Bảo Đồng Nai	Cử nhân Báo chí; Cử nhân Luật	Báo chí
310	Lê Thành Nhân	1980		Phóng viên	Bảo Đồng Nai	Cử nhân Ngữ văn	Báo chí
311	Nguyễn Ngọc Hưng	1966		Phó Hiệu trưởng	Trường Đại học Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Kinh tế - luật
312	Trần Hạnh		1980	Trưởng Khoa Y – Dược - Khoa học cơ bản	Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai	Thạc sĩ Chính trị học	Phòng, chống bạo lực giới, công tác thanh niên, đoàn thể, các luật mới ban hành
313	Cao Thị Xuân		1980	Trưởng phòng Công tác HSSV	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	Thạc sĩ Luật Hành chính	Giáo dục, đào tạo
314	Đoàn Thu Cúc		1978	Trưởng phòng Tổ chức hành chính	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai	Cử nhân ngành Luật	Giáo dục, đào tạo
315	Đinh Thị Lan Hương		1980	Phó Giám đốc	Khu Bảo tồn thiên nhiên – Văn hóa Đồng Nai	Thạc sĩ văn hóa	Di tích lịch sử văn hóa; Bảo tồn đa dạng sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Lĩnh vực pháp luật dự kiến thực hiện PBGDPL
		Nam	Nữ				
316	Nguyễn Ngọc Tuấn	1972		Ủy viên BCH	Liên đoàn doanh nghiệp tỉnh	Cử nhân Luật	Các lĩnh vực pháp luật về doanh nghiệp
317	Bùi Thị Vân Anh		1987	Phó Trưởng phòng Kiểm tra, Thanh tra, Pháp chế	Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	Thạc sĩ Luật	Doanh nghiệp, thương mại
318	Trần Thị Xây		1984	Chuyên viên	Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	Cử nhân Luật	Đất đai